

Phần III

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC XHDS VIỆT NAM VỀ CSR



Kết quả nghiên cứu về hoạt động của các tổ chức XHDS Việt Nam về CSR

Chương này được dựa trên cuộc khảo sát và phỏng vấn xã hội được tiến hành với các đại diện của các tổ chức xã hội dân sự (CSOs) thuộc phạm vi nghiên cứu và các cuộc thảo luận nhóm về các hình thức tham gia mà các nhóm đang áp dụng đối với khu vực kinh doanh. Sau khi phân tích và giới thiệu về các tổ chức được nghiên cứu, chương này cũng thảo luận về mục đích và mức độ mà các tổ chức XHDS CSOs tác động lên CSR và thời gian mà họ muốn tham gia vào các mạng lưới. Mục đích của chương này là kiểm chứng lại những giả định đã được đưa ra trong chương trước.

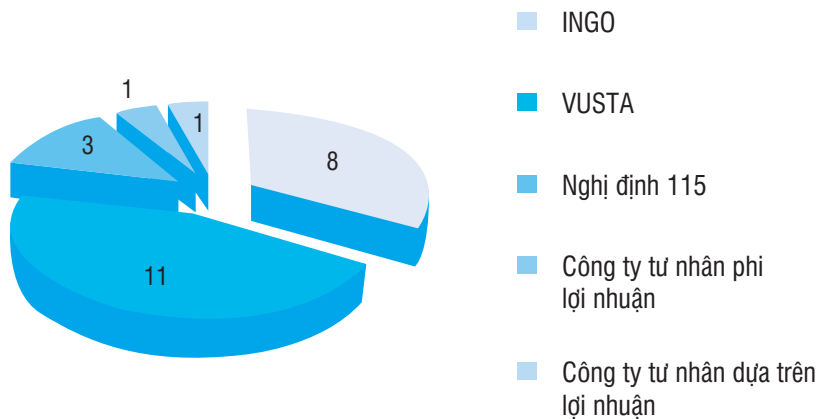
3.1. SỰ THAM GIA CỦA TỔ CHỨC XHDS TRONG CSR

3.1.1. Tổng quan và các đặc điểm chính của các CSO được nghiên cứu

Như đã đề cập trước đây, 23 tổ chức đã được chọn làm mẫu nghiên cứu, bao gồm các tổ chức Phi chính phủ Việt Nam cũng như các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và các đơn vị liên quan... Nghiên cứu không bao gồm các tổ chức quần chúng gắn với chính phủ.

Môi trường thể chế và quy định

Như đã đề cập trước đây, khung quy định của Việt Nam liên quan đến việc đăng kí và hoạt động của các tổ chức XHDS là một quá trình tương đối phức tạp. Chính vì vậy các tổ chức XHDS được thành lập dưới nhiều “sự bảo hộ” khác nhau để phù hợp với mục đích của họ, bao gồm sử dụng phương thức “vì lợi nhuận” như doanh nghiệp, hiệp hội (Nghị định 151/2007/NĐ-CP). Thực tế từ giữa những năm 2000 “các đơn vị kinh tế” như các công ty không còn cần được phê duyệt mà chỉ cần đăng ký.



Các tổ chức tham gia nghiên cứu đã phản ánh sự đa dạng của các tổ chức xã hội dân sự hoạt động tại Việt Nam (Phụ lục 3):

Gần một nửa của các tổ chức được đăng ký thuộc VUSTA³². Có một công ty là Trung tâm Sản xuất sạch Việt Nam là một dạng tổ chức phi lợi nhuận được đăng ký doanh nghiệp nên có hành lang hoạt động rộng hơn. Một tổ chức nữa là Trung tâm Năng suất Việt Nam được thành lập theo Nghị định 115 là một tổ chức phi lợi nhuận của Nhà nước. Ngoài Live & Learn và LIN, và các INGO, không có tổ chức nào trong nghiên cứu hoạt động theo nguyên tắc dựa vào hoạt động tình nguyện. Rất ít tổ chức đón tình nguyện viên nước ngoài. Cũng không có tổ chức nào được đăng ký theo Nghị định 88/2002/NĐ-CP là khung pháp lý duy nhất yêu cầu tư cách thành viên.

Spark, CSIP và những câu lạc bộ phía Nam của các doanh nghiệp xã hội bằng cách nào đó hoạt động cho các tổ chức thành viên của họ. Nhưng không ai trong số các tổ chức xã hội dân sự Việt Nam khác được hỗ trợ bởi hoặc báo cáo với các thành viên của họ. Các tổ chức được yêu cầu báo cáo cho các tổ chức phụ trách họ như VUSTA. Thực trạng này khác với tình trạng phổ biến với các tổ chức phi chính phủ quốc tế. Họ không chỉ phải báo cáo cho PACCOM tại Việt Nam mà còn cho các thành viên của họ. Tính hợp pháp của tổ chức XHDS Việt Nam dựa trên uy tín của các nhà sáng lập.

Quy mô và thâm niên

Số lượng nhân viên trong 7 tổ chức nước ngoài trong nghiên cứu này là tương đương với tổng số nhân viên của 16 tổ chức khác của Việt Nam. Thật vậy, phần lớn các tổ chức Việt Nam có ít hơn 7 nhân viên.

Đa số các tổ chức đã được thành lập gần đây. Thực tế chỉ có 10 trong số 23 đã được thành lập trước năm 2000 và bốn đã tồn tại trong một năm hoặc ít hơn.

Nguồn lực

Hầu hết các nguồn lực của các tổ chức xã hội dân sự đến từ tài trợ, chủ yếu là từ các chương trình quốc tế hoặc các tổ chức phi chính phủ quốc tế. Tuy nhiên, điều quan trọng là để nhấn mạnh rằng có một xu hướng cho các tổ chức xã hội dân sự Việt Nam để phát triển các dịch vụ cho các doanh nghiệp. Thí dụ đối với Spark, ban đầu được tạo ra để hỗ trợ doanh nghiệp xã hội, hiện nay cung cấp dịch vụ tư vấn cho các doanh nghiệp. Tại thời điểm này, chúng ta có thể đặt câu hỏi về đặc trưng của các tổ chức xã hội dân sự so với các doanh nghiệp tư vấn tư nhân.

Địa bàn hoạt động

Tất cả các tổ chức được khảo sát có trụ sở chính đặt tại Hà Nội và TP Hồ Chí Minh. Nhưng hầu hết các hoạt động trên cả nước tại các tỉnh khác nhau và 5 có một phạm vi

³¹ Tuy nhiên hai tổ chức trong số đó được gián tiếp đăng ký theo VUSTA dưới một tổ chức trực thuộc khác (CECoD trực thuộc Hiệp hội bảo tồn thiên nhiên và môi trường được đăng ký thuộc VUSTA) Đăng ký theo VUSTA: 60 hiệp hội khoa học và kỹ thuật cấp tỉnh; 73 hiệp hội khoa học và kỹ thuật cấp quốc gia; 197 báo, tạp chí và websites; và 250 tổ chức trực thuộc, bao gồm các viện nghiên cứu, các tổ chức phi chính phủ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, chăm sóc sức khỏe và xóa bỏ đói nghèo và giáo dục. VUSTA là tổ chức bảo hộ duy nhất có quyền tư vấn và phản biện xã hội với các dự án và chương trình quốc gia về luật, chính sách, kế hoạch và các vấn đề quan trọng quốc gia. Tuy nhiên tổ chức này chỉ được cho phép hoạt động theo yêu cầu của một cơ quan nhà nước. Các tổ chức này sẽ không công bố công khai bất kì phát hiện phê bình nào.

chu vi quốc gia. Một số đang mở văn phòng tại các thành phố lớn khác và thuê nhân viên toàn thời gian. Một tổ chức đang hoạt động ở Đông Nam Á (Lào, Campuchia).

Lĩnh vực hoạt động

Nhiều tổ chức XHDS đã thực hiện các chương trình và lợi ích cho sự phát triển bền vững của nông thôn, một lĩnh vực hoạt động truyền thống của các tổ chức XHDS tại Việt Nam. Điều này sẽ vẫn đóng vai trò quan trọng trong số các hoạt động của tổ chức XHDS vì chính phủ thường hỗ trợ các công việc liên quan đến tổ chức XHDS trong lĩnh vực này. Ngược lại, một số ít NGO thực hiện các hoạt động liên quan đến các vấn đề đô thị, có lẽ bởi vì, mặc dù phát triển của nền công nghiệp kéo theo quá trình đô thị hóa, phần lớn dân số vẫn sống ở khu vực nông thôn.

Các lĩnh vực hoạt động nổi bật trong mối quan hệ với các doanh nghiệp, chẳng hạn như tư vấn và kinh doanh xã hội. Ba tổ chức XHDS đã được làm việc với và cho các doanh nghiệp. CSIP có mục đích thúc đẩy kinh doanh xã hội tại Việt Nam. Doanh nghiệp xã hội là một khái niệm tương đối mới ở Việt Nam và gần đây đã được phát triển với sự hỗ trợ của các tập đoàn quốc tế cũng như các NGO quốc tế. Điều này có nghĩa là các NGO có thể làm kinh doanh, hỗ trợ các hoạt động của các doanh nghiệp với mục đích xã hội. Các dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp xã hội tương tự như những dịch vụ mà nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ đang tìm kiếm thị trường cho các dịch vụ tư vấn.

Chỉ có một số ít các tổ chức XHDS, như CCIPH, CeCOD và Green ID và CDI có các hoạt động cụ thể về CSR. Các tổ chức XHDS lưu ý rằng họ có thể cung cấp dịch vụ hoặc làm trung gian hỗ trợ các công

ty trong việc lựa chọn các dịch vụ tư vấn hiệu quả và đáng tin cậy. Các công ty nước ngoài và các công ty đa quốc gia sản xuất tại Việt Nam và gây áp lực cho các nhà thầu phụ trong việc thực hiện theo yêu cầu CSR có xu hướng hợp tác với các tổ chức phi chính phủ hơn là các công ty tư vấn tư nhân khi tìm hiểu các dịch vụ độc lập liên quan đến việc đánh giá và dịch vụ kiểm toán. Các tổ chức khác (mặc dù không phải đăng ký là các tổ chức XHDS Việt Nam), chẳng hạn như Trung tâm Năng suất Việt Nam, Sản xuất sạch Việt Nam, tất cả các công việc liên quan đến phát triển, cũng cung cấp các dịch vụ CSR.

Tuy nhiên, CSR vẫn còn là một khái niệm mờ ảo đối với hầu hết các tổ chức xã hội dân sự Việt và do đó vẫn còn là một thách thức lớn cho họ và cho các doanh nghiệp để làm việc cùng nhau và cho các tổ chức xã hội dân sự tham gia vào việc thách thức các doanh nghiệp chịu trách nhiệm về những tác động xã hội và cộng đồng của hành động của họ

3.1.2. Nhận thức của các tổ chức xã hội dân sự về trách nhiệm xã hội

Mục đích của phần thứ hai của câu hỏi nghiên cứu là nhằm tìm hiểu về quan điểm của CSO về CSR và cảm nhận của họ khi tham gia công tác CSR. CSR liên quan đến nhiều quá trình và nhận thức dựa trên các tổ chức được nghiên cứu.

- **CSR có phải là một hoạt động từ thiện?**
Nhiều đối tượng nghiên cứu khẳng định rằng hoạt động từ thiện không được coi là CSR bởi vì nó không tập trung vào kinh doanh cốt lõi. Tuy thế cũng có những quan điểm khác, ví dụ Phó Trưởng Đại diện của Quý Châu Á cho rằng các hoạt động từ thiện là một

phần của CSR. Cho dù có nằm trong CSR hay không, hoạt động từ thiện là một cách để thu hút khu vực tư nhân. Trong nghiên cứu này, CSR đã được quyết định là bao gồm các tổ chức từ thiện vì ít nhất từ thiện cũng là một cách để tương tác với các công ty mặc dù theo UNIDO, hoạt động từ thiện của các công ty không nên được bao gồm trong CSR.

- Hiệu quả kinh tế: là một phương tiện hay một mục tiêu? Một số người tin rằng có thể có một con đường trung gian “giữa hoạt động từ thiện và kinh doanh” để giải quyết các vấn đề xã hội³³. Nhưng điều này không thể được nhầm lẫn với CSR. Theo quan điểm của Giám đốc CSIP “Nhiệm vụ cốt lõi của doanh nghiệp xã hội là tạo ra các lợi ích xã hội cho cộng đồng trong khi thông qua CSR, một công ty có thể nâng cao ảnh hưởng của nó đối với xã hội, nhưng mục tiêu cuối cùng vẫn là để tối đa hóa lợi nhuận cho các cổ đông”.
- CSR và những sáng kiến từ dưới lên. Mặc dù có nhiều tổ chức có tham gia các vấn đề CSR chỉ một số tổ chức quan tâm đến khái niệm CSR. Ví dụ, một đại diện của Oxfam nhận định rằng “CSR bao gồm quá trình làm việc với người sử dụng lao động, trong khi Oxfam Bỏ tập trung vào công nhân” (một phương pháp tiếp cận từ dưới lên). Tương tự như vậy, APHEDA khẳng định rằng những nỗ lực CSR cũng thường bị khai thác như một cách làm suy yếu và cô lập hoạt động của công đoàn.
- Một cam kết tự nguyện? Một lần nữa, đại diện Oxfam nhận định rằng “CSR liên quan đến một quá trình tự nguyện

dựa trên luật pháp trong khi các công ty có thể thường không thực hiện theo quy định nào của pháp luật” và rằng “vẫn còn nhiều điều phải làm ngay cả đối với các công ty cam kết thực hiện các nguyên tắc và chuẩn mực về đạo đức của khách hàng quốc tế: những lỗ hổng về đạo đức đã khiến cho việc kiểm toán thường không thuyết phục”. Theo quan điểm phương Tây, các CSO có tính hợp pháp nhiều hơn so với các doanh nghiệp tư vấn tư nhân khi nói đến kiểm toán. Tuy nhiên, trong quan điểm của đa số các doanh nghiệp Việt Nam, CSR vẫn còn là một khái niệm mờ ảo, chủ yếu chỉ là việc hỗ trợ những người có hoàn cảnh khó khăn.

Theo một giám đốc dự án chịu trách nhiệm quản lý một dự án CSR cho GAP thì, “các công ty sẵn sàng tham gia vào CSR chỉ khi có áp lực từ những người mua quốc tế, điều đó không phải là tự nguyện”. Trong một số trường hợp, nếu người mua không chiếm một phần lớn của hoạt động sản xuất, doanh nghiệp cũng có thể bỏ qua đòi hỏi của họ. Hầu hết các công ty không nhận thức rằng CSR là một cách cung cấp lợi thế cạnh tranh thông qua những người công nhân làm việc hết mình hoặc sẽ làm giảm rủi ro liên quan đến thị trường. Theo Cố Vấn trưởng Dự án CSR của UNIDO, “khi CSR được áp đặt bởi người mua quốc tế, nó chỉ được xem là một yêu cầu khác trong số những yêu cầu mang tính kỹ thuật”. Việc quản lý để cải thiện hiệu suất của một công ty thông qua CSR đòi hỏi một quá trình lâu dài, bắt đầu bằng cách giúp người đối thoại đặt câu hỏi về kinh doanh cốt lõi của công ty của họ chứ không phải là đưa ra các câu trả lời.

³¹ Phỏng vấn với Giám đốc CSIP.

Dường như CSR đang ngày càng nhận được sự quan tâm từ các tổ chức được nghiên cứu, phần lớn trong các tổ chức đó có mối quan hệ với khu vực tư nhân. Tuy nhiên, ngoài Trung tâm Sản xuất sạch Việt Nam, và đến một mức độ MSD, không tổ chức nào nhận định CSR là một lĩnh vực công việc cụ thể. Tuy nhiên, CSR liên quan đến một loạt các vấn đề và do đó nhiều dự án mặc dù không đề cập đến khái niệm này bằng cách nào đó cũng liên quan đến CSR.

3.1.3. Động lực của các tổ chức XHDS làm việc với CSR

Một giả thuyết được đề xuất cho bối cảnh Việt Nam đó là bảy vấn đề cốt lõi trong CSR (xác định ở trên) có thể được chia thành hai nhóm dựa trên mức độ tác động của chúng. Một nhóm đề cập đến tác động chủ yếu duy trì trong phạm vi các công ty, nhóm còn lại bao hàm các tác động xã hội vượt ra ngoài phạm vi doanh nghiệp. Nhóm đầu tiên bao gồm các vấn đề về quản trị doanh nghiệp, luật lao động và sản xuất. Nhóm thứ hai bao gồm các vấn đề về môi trường, người tiêu dùng, nhân quyền và phát triển cộng đồng. Ngoại trừ luật lao động, là một lĩnh vực quan tâm truyền thống của các tổ chức phi chính phủ, nhóm vấn đề thứ hai thường thu hút sự tham gia của các tổ chức phi chính phủ trong việc thúc đẩy CSR vì phạm vi tác động xã hội của chúng quan

trọng hơn. Trong thực tế, công việc của các NGO đối với bảy vấn đề CSR cốt lõi tại Việt Nam, có thể thay đổi đôi chút vì bối cảnh chính trị cụ thể có thể có những tác động khiến có các vấn đề trở nên nhiều hay ít thuận lợi hay thách thức đối với các NGO. Ví dụ, luật lao động, nhân quyền có thể là những đối tượng khó khăn, trong khi môi trường hoặc phát triển cộng đồng khả thi hơn trong việc giúp các NGO đưa ra các sáng kiến. Nhận thức được những lĩnh vực và mức độ mà các NGO có thể thực hiện trong từng lĩnh vực sẽ giúp xác định đối tượng cho các hoạt động xây dựng năng lực trong tương lai.

3.1.4. Các tổ chức xã hội dân sự Việt Nam tham gia vào lĩnh vực kinh doanh và trách nhiệm xã hội

CSR là trung tâm của mối quan hệ giữa xã hội dân sự và các doanh nghiệp, theo đó xã hội dân sự yêu cầu những nhà kinh doanh có trách nhiệm đối với xã hội, góp phần vào sự phát triển bền vững. Các vấn đề được khảo sát của nghiên cứu này được dựa trên lược đồ của Olivier Maurel³⁴. Khuôn khổ này giúp xác định các loại quan hệ khác nhau tồn tại giữa công ty và các tổ chức phi chính phủ: những chiến lược, cách tiếp cận và hoạt động mà các tổ chức phi chính phủ sử dụng để nhằm mục tiêu tới các doanh nghiệp trong giải quyết các vấn đề CSR.

³⁴ Maurel, O. (2010). *La responsabilité des Entreprises en matière de droits de l'homme. Tome 1, Etat des lieux et perspectives d'actions publiques*. Khuôn khổ mối quan hệ giữa các tổ chức phi chính phủ và các doanh nghiệp. Kết quả của trường đại học được thực hiện bởi Olivier Maurel, Isabelle deVaux và Sylvaine Parriaux. 2010.

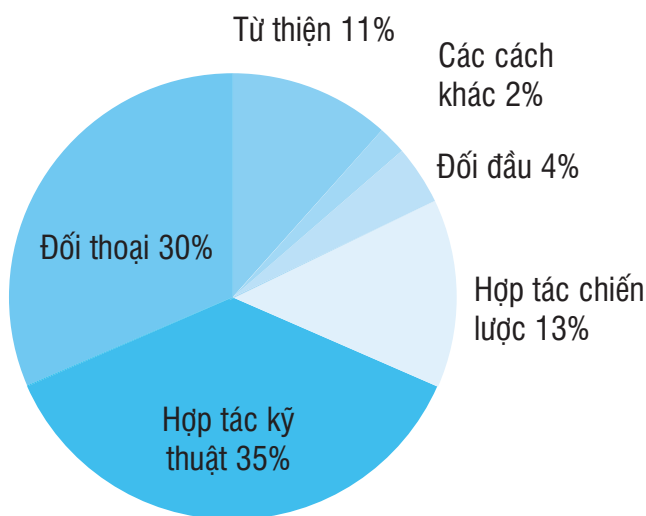
Bảng 1. Khung hợp tác của các CSO làm việc với Nhà nước và doanh nghiệp tại Việt Nam được sử dụng để tham khảo ý kiến

1	VẬN ĐỘNG Hoạt động tập thể của một hiệp hội hoặc một nhóm các hiệp hội đối với một khu vực hoặc một nhóm công ty	<i>Áp lực chung</i>	Nhận thức
		<i>Áp lực về thể chế</i>	Vận động hành lang
		<i>Các hành động đối kháng có mục tiêu</i>	Chiến dịch nâng cao nhận thức hoặc áp lực có mục tiêu
			Tẩy chay
			<i>Theo đuổi thông qua một cơ chế tư pháp hoặc nằm ngoài vòng pháp luật</i>
Các hoạt động cổ động			
2	TƯ VẤN hoặc CÙNG HOẠT ĐỘNG mối quan hệ hướng tới các hoạt động của công ty		Trao đổi thông tin đặc biệt là đối thoại Trao đổi thông tin hoặc đối thoại thường xuyên
3	HỢP TÁC KỸ THUẬT Hoạt động đúng hạn và có mục đích	<i>Hướng tới các hoạt động của công ty</i>	Đào tạo chuyên gia
		<i>Hướng tới hoạt động của các NGO, mà cũng, nếu có, hướng tới công ty</i>	Trách nhiệm quản lý dự án về chủ đề hoặc vùng lãnh thổ mục tiêu.
			Dự án, dự án hợp tác sản xuất hoặc dự án về khả năng truy cập. . Cán cân thanh toán Dự án phát triển địa phương hoặc dự án “xã hội”
4	HỢP TÁC CHIẾN LƯỢC	<i>Giai đoạn đầu</i>	Xây dựng các nguyên tắc, khuôn khổ và tiêu chuẩn
		<i>Thử nghiệm & kiểm soát sự thay đổi</i>	Hỗ trợ về trách nhiệm thực hiện
		<i>Giai đoạn cuối</i>	Kiểm toán, đánh giá, tư vấn
5	HỢP TÁC TỪ THIỆN HAY HỢP TÁC THƯƠNG MẠI	<i>Tài trợ</i>	Tài trợ hoặc hỗ trợ tài chính
			Tài trợ hay biếu, tặng (tự nhiên hoặc công nghệ)
			Tài trợ hoặc hoạt động tình nguyện của các doanh nghiệp
		<i>Truyền thông & tiếp thị</i>	Tài trợ Tiếp thị liên quan đến nguyên nhân

Các tổ chức được khảo sát cho thấy họ làm việc trong các mối quan hệ với nhiều doanh nghiệp (các doanh nghiệp trong nước, công ty liên doanh, các doanh nghiệp công...), hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau (nông nghiệp, dược phẩm, hàng may mặc...). VNGO chủ yếu làm việc với các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong nước, trong

khi các INGO và các công ty phi lợi nhuận làm việc thường xuyên hơn với các công ty quốc tế lớn. VNGO và INGO không làm việc với các cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nhà nước. Hình 3 tóm tắt các loại hình tham gia. CSO được yêu cầu nêu rõ các hoạt động của mình được trình bày trong bảng trên.

Hình 3. CSO tham gia vào công việc CSR



Hoạt động từ thiện: các VCSO thường quan tâm về việc thúc đẩy các hoạt động từ thiện với các doanh nghiệp vì họ tìm kiếm nguồn tài trợ hoặc chuyên môn (từ công ty) cho các dự án mà họ thực hiện³⁵. Trong khi, chỉ có 11% các tổ chức tham gia phỏng vấn được hưởng lợi từ hoạt động từ thiện, có quan điểm cho rằng thành phố Hồ Chí Minh có nhiều tiềm năng cho hoạt động từ thiện hơn Hà Nội. Một nghiên cứu gần đây của Trung tâm Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương tại Việt Nam (VAPEC)³⁶ nhằm mục đích “thiết lập một xuất phát điểm để xác

định tiềm năng và các cách cải thiện các hoạt động từ thiện và tài trợ tại Việt Nam”. Nghiên cứu này nhấn mạnh sự khác biệt giữa thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. Thật vậy, 66% các doanh nghiệp được phỏng vấn tại thành phố Hồ Chí Minh tuyên bố đóng góp cho hoạt động từ thiện trong khi chỉ có 8% doanh nghiệp tại Hà Nội đã làm như vậy.

Khu vực tư nhân, đặc biệt là các công ty đa quốc gia có một chiến lược thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp có thể được

³⁵ Ví dụ, Chemonics International thực hiện một dự án được tài trợ bởi USAID tập trung về HIV tại nơi làm việc (xây dựng chính sách HIV, phòng ngừa, chống phân biệt đối xử). 118 doanh nghiệp đã đóng góp tổng số tiền là USD764 183 cho chương trình. [Phỏng vấn và các văn bản chương trình được cung cấp bởi Chemonics].

³⁶ Hoạt động từ thiện tại Việt Nam. Trung tâm Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương Việt Nam. Quy Châu Á. Hà Nội 2011.

coi như là một nguồn tài trợ cho các tổ chức xã hội dân sự tại Việt Nam như CSIP. Thông thường, như trong trường hợp CSIP, các công ty đa quốc gia tài trợ cho các hoạt động mà không ảnh hưởng đến công việc kinh doanh cốt lõi của họ.

Hợp tác về mặt kỹ thuật: Đây là hình thức thiết lập quan hệ chủ yếu (35%) giữa các CSO (đặc biệt là các VNGO) và khu vực tư nhân. Nó bao gồm các tương tác giúp giải quyết một vấn đề cụ thể. Đa số các tổ chức phi chính phủ ở Việt Nam thường có một nền tảng là phát triển nông thôn và xoá đói giảm nghèo, vì vậy việc hợp tác với các doanh nghiệp, đặc biệt là trong việc thúc đẩy CSR, phần lớn là mới mẻ. VNGOs (đặc biệt) chủ yếu là tham gia trong một chiều hướng duy nhất của CSR, chẳng hạn như môi trường, hoặc trong việc hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ ở nông thôn.

Hợp tác mang tính chiến lược: Liên quan đến việc hợp tác lâu dài với công ty và tập trung vào kinh doanh cốt lõi. Điều này ảnh hưởng đến các công ty trên một quy mô lớn hơn. Hợp tác kỹ thuật có thể là bước đầu tiên dẫn đến một hợp tác mang tính chiến lược khi tin tưởng được thiết lập thông qua việc giải quyết các vấn đề không nhạy cảm giữa hai bên. Cuộc khảo sát cho thấy rằng sự hợp tác chiến lược chỉ chiếm 13% trong tổng các mối quan hệ giữa khu vực tư nhân (thường là các tập đoàn lớn) và các tổ chức xã hội dân sự. Nguyên nhân của tỷ lệ này thấp nhất có lẽ là do các tập đoàn nghĩ rằng các VNGO thiếu chuyên môn và uy tín. Vì vậy, việc hợp tác chiến lược chủ yếu bao gồm các tổ chức phi chính phủ quốc tế hoặc các tổ chức phi lợi nhuận được thành lập theo quy định tại Nghị định 115 cung cấp các dịch vụ tư vấn để hỗ trợ các công ty trong việc tuân thủ với các tiêu chuẩn quốc tế (chủ yếu là tiêu chuẩn quốc tế về quản lý môi trường) như các hoạt động giám sát

Trường hợp: Mối quan hệ đối tác CSO - Doanh nghiệp

Live and Learn làm việc với một số công ty quan tâm đến bảo vệ môi trường bằng cách cung cấp đào tạo cho nhân viên để bắt đầu hoạt động “kinh doanh xanh”. Những sáng kiến này bao gồm việc làm việc hướng tới dịch vụ lưu trú xanh, một dự án hợp tác với một công ty ô tô trong việc nâng cao nhận thức về ô nhiễm âm thanh. Đồng thời, các cuộc thảo luận về khả năng hợp tác với một công ty khác đã không đạt được do công ty đang tìm kiếm một tổ chức thực hiện chiến dịch từ thiện cộng đồng của họ mà không có bất kỳ cam kết nào liên quan đến các vấn đề CSR như các hoạt động nội bộ.

Đối đầu: Không có gì đáng ngạc nhiên khi tại Việt Nam, các VNGO do dự trong việc trực tiếp đối đầu với các doanh nghiệp về các hoạt động của họ. Và những các CSO thường đề cập đến hoạt động vận động như một công cụ phát triển. Mặc dù vậy, các sáng kiến vận động dường như tập trung hơn vào sự khuếch tán của thông tin, và ít xung đột và gây áp lực công chúng như các chiến dịch “nêu tên và làm xấu hổ” như thường xảy ra ở các nước khác.

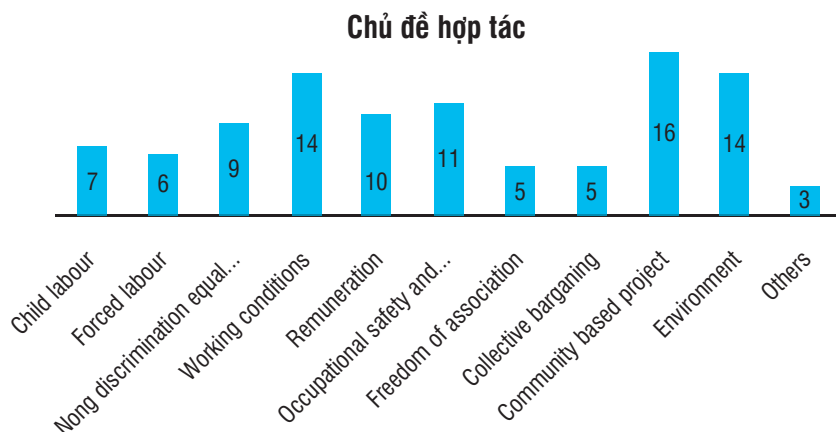
Đối thoại: Các CSO nhận thấy đối thoại là một cách hữu hiệu để đối phó với các xung đột và đối đầu để tránh câu trả lời theo kiểu “phương án cuối cùng”. Đối thoại trong một môi trường thiện về kinh doanh hoặc chính thức chiếm 30% trong các tương tác giữa các tổ chức xã hội dân sự và khu vực tư nhân. Các tổ chức xã hội dân sự có thể đảm bảo sự tham gia/ đại diện cho tiếng nói của người nghèo trong việc hoạch định và thực hiện chính sách và có thể đóng vai trò như chất xúc tác để đem các cổ đông lại

với nhau để hòa giải giữa tổng công ty và người lao động và cộng đồng của họ.

Khi có tương tác giữa các doanh nghiệp và các tổ chức xã hội dân sự, mục đích là để

tìm hiểu xem những chủ đề nào liên quan đến trách nhiệm xã hội đang phát huy tác dụng với các tổ chức xã hội dân sự được khảo sát.

Hình 4. Những mối quan tâm và hoạt động của các CSO trong CSR liên quan đến những vấn đề có liên quan



Chủ đề chính của sự hợp tác giữa các tổ chức xã hội dân sự và khu vực tư nhân tập trung vào các dự án dựa trên cộng đồng, môi trường, thù lao và các cơ hội bình đẳng. Một lần nữa, đây là những vấn đề truyền thống được giải quyết bởi các VNGO ở khu vực nông thôn để hỗ trợ những người dân không tận dụng được sự phát triển kinh tế trong những thập kỷ qua. Mặt khác, các tổ chức XHDS xử lý các vấn đề phát sinh từ phát triển công nghiệp và dòng người di cư, chẳng hạn như điều kiện làm việc, an toàn lao động và sức khỏe, lao động cưỡng bức và thương lượng tập thể. Trong thực tế một số tổ chức xã hội dân sự đã được tạo ra một cách riêng biệt để giải quyết các vấn đề môi trường và biến đổi khí hậu. Một số mối quan tâm, đặc biệt là lao động cưỡng bức và tự do lập hội, vẫn còn là vấn đề nhạy cảm trong bối cảnh của Việt Nam.

3.2. SỰ THAM GIA CỦA TRONG CÁC MẠNG LƯỚI

Phần cuối cùng của nghiên cứu này tập trung vào các mạng lưới. Mục tiêu của việc này là để xác định mức độ mà các tổ chức xã hội dân sự hiện đang tham gia trong các mạng lưới chính thức, mong đợi của họ và đóng góp cho mạng lưới CSR.

3.2.1. Tổng quan về mạng lưới hiện tại

Các tổ chức xã hội dân được nghiên cứu đã từng tham gia vào các mạng lưới, thậm chí nhiều hơn so với dự kiến. Tất cả các tổ chức xã hội dân sự là thành viên của ít nhất một mạng lưới. Một cán bộ tham gia vào nghiên cứu đã từng làm điều phối viên của Mạng lưới Sông Việt Nam. Không phải tất cả các mạng đều năng động và chỉ có một

số mạng lưới có phạm vi hoạt động cấp khu vực hoặc quốc tế.

Có rất nhiều mạng lưới của các Tổ Chức XHDS hoạt động tại Việt Nam. Những mạng lưới chủ yếu bao gồm:

- Nhóm Công tác Quản lý Thiên tai (DMWG)
- Mạng lưới Phát triển Giới và Cộng đồng (GENCOMNET)
- Mạng lưới Sông Việt Nam và Phát triển Bền vững (VRN)
- Sự tham gia Xã hội Dân sự Bao trong Mạng An ninh Lương thực và Xoá đói Giảm nghèo (CIFPEN)
- Nhóm Công tác Tài chính Vi mô Việt Nam (MFWG)
- Tập đoàn Tính bền vững Nông nghiệp và Quản lý Tài nguyên Thiên nhiên trực thuộc NGORC
- Nhóm Tổ chức Phi chính phủ Việt Nam (VNGO)
- Đồng minh của Tổ chức Phi chính phủ Việt Nam (VNGOA)
- Cộng tác vì Nước Việt Nam (VNWP)

Các mạng lưới chia sẻ thông tin và cũng tham gia vào việc tăng cường năng lực, và trong một số trường hợp kiến nghị tập thể tài trợ cho dự án.

Điều quan trọng cần lưu ý rằng không có quy định cụ thể liên quan đến các mạng lưới tại Việt Nam. Thật vậy, hầu hết các mạng đều không chính thức và được dựa trên cam kết tự nguyện của các thành viên. Điều này có nghĩa rằng các mạng lưới không có một tổ chức pháp lý cho phép họ gây quỹ. Do đó một số đã chọn đăng ký như là một tổ chức

thông qua VUSTA. Điều này cũng tương tự như ở Pháp, nơi không có khuôn khổ pháp lý cụ thể cho các mạng lưới. Thông thường, một trong tổ chức thành viên sẽ lãnh đạo và đại diện cho mạng lưới gây quỹ.

Trung tâm Dữ liệu các Tổ chức Phi chính phủ quốc tế VUFO NGO cung cấp hỗ trợ vô cùng hữu ích cho các mạng lưới tại Việt Nam trong dưới hình thức của các nhóm làm việc (công việc liên lạc, phòng họp, v.v). Trong khi chỉ các tổ chức phi chính phủ quốc tế được phép trở thành thành viên của VUFO, VNGOs có thể tham gia trong các cuộc họp.

Các mạng lưới phải đối mặt với những khó khăn trong việc đảm bảo tính bền vững của họ và thực hiện cam kết với các thành viên của họ. Thực sự đó là một nỗ lực lớn để các VNGO có thể thường xuyên tham dự các cuộc họp do sự hạn chế về nguồn nhân lực.

3.2.2. Thái độ đối với một mạng lưới CSO-CSR

Hai tổ chức trong nghiên cứu này bày tỏ quan tâm trong việc trở thành thành viên của một mạng lưới dành riêng cho CSR.

Mong đợi của họ của các thành viên bao gồm:

- Chia sẻ thông tin và trao đổi kinh nghiệm
- Phát triển năng lực vận động chính sách và đối thoại chính sách
- Đào tạo và tăng cường năng lực cho các thành viên
- Xác định các nguồn tài trợ và đối tác
- Thúc đẩy các dịch vụ được cung cấp bởi các tổ chức (một cách để xác định các đối tác và khách hàng mới)

- Khả năng tiếp xúc công chúng của các tổ chức

VUSTA và các tổ chức khác nhấn mạnh vào những thách thức của việc giữ mạng lưới hoạt động. Các mạng lưới thường chấm dứt hoạt động khi những tài trợ cho những phương tiện thành lập ngừng.

Yếu tố cần thiết để các mạng hoạt động có hiệu quả và bền vững là:

- Gia tăng giá trị cho các thành viên
- Một tổ chức (được lựa chọn từ các thành viên trên cơ sở luân phiên) chịu trách nhiệm điều phối mạng lưới và nhận trợ cấp.
- Một nhà lãnh đạo giỏi là người có thể mang các tổ chức lại với nhau và tạo ra những hoạt động để các thành viên cùng tham gia
- Minh bạch trong huy động vốn và triển khai
- Sự tham gia của các thành viên trong việc xây dựng một tầm nhìn chung và chiến lược (một quá trình dài có thể mất đến một năm)
- Mỗi thành viên có trách nhiệm và vai trò rõ ràng
- Thông tin liên lạc được duy trì thường xuyên giữa các thành viên

Một cuộc họp dành riêng cho các mạng lưới đã được tổ chức tại Trung tâm Nguồn VUFO NGO vào ngày 23 tháng 03 năm

2012. Các đề nghị từ cuộc họp³⁷, dựa trên kinh nghiệm trước đây được thu thập bởi ba mạng - PACT Việt Nam, GENCOMNET, Nhóm Công tác Quản lý Thiên tai - được nêu tại phụ lục (Phụ lục 4).

3.3. CHIẾN LƯỢC ĐỐI VỚI CSR?

3.3.1. Mối quan hệ của các NGO Việt Nam với Khu vực Doanh nghiệp

Sau ba tháng đầu gặp gỡ và trao đổi với các NGO Việt Nam, các tổ chức quốc tế, và các tổ chức của Nhà nước liên quan đến CSR, CDI và BATIK International tổ chức cuộc họp đầu tiên giữa các tổ chức XHDS về CSR vào tháng 5/2012 tại Hà Nội. Mục đích của cuộc họp là để những người tham dự cùng xác lập các hiểu về CSR và xác định vai trò của các tổ chức XHDS đối với CSR cũng như chiến lược hành động tiếp theo.

30 thành viên từ hơn 20 tổ chức đã tham gia cuộc họp. Bên cạnh các tổ chức đã tham gia trao đổi ban đầu, có thêm các tổ chức tham dự cuộc họp là CFVG/NFU, Lefaso, VWEC/VCCI, VINASTAS, Solidaridad, RED VwEC. Đa số thành viên tham gia cuộc họp là từ các tổ chức XHDS, bao gồm các NGO Việt Nam và quốc tế, một số công ty, thành viên các hội kinh doanh/nghề nghiệp và giảng viên đại học.

Những người tham dự đã chia sẻ các hoạt động và chiến lược của mình với CSR. Bảng 2 dưới đây tóm tắt các hoạt động hiện nay và các hoạt động sắp tới trong vòng 5 năm của các thành viên.

³⁷ http://www.ngocentre.org.vn/webfm_send/3260 / http://www.ngocentre.org.vn/webfm_send/3259

Bảng 2. Sơ đồ các tổ chức xã hội dân sự trong việc thực hiện CSR

CHIẾN LƯỢC		HOẠT ĐỘNG	HIỆN TẠI	5 NĂM
ÁP LỰC Hoạt động tập thể của một hiệp hội hoặc một nhóm các hiệp hội đối với một khu vực hoặc một nhóm công ty	<i>Áp lực chung</i>	Nhận thức	RED, CECoD, CCIHP, MSD, CFVG/NFU, VINASTAS	RED, CECoD CCIHP VINASTAS,
	<i>Áp lực về thể chế</i>	Vận động hành lang	VWEC/VCCI, Chemonics, VITAS	VWEC/VCCI RED,
	<i>Các hành động đối kháng có mục tiêu</i>	Chiến dịch nâng cao nhận thức hoặc áp lực có mục tiêu.	RED	
		Tẩy chay.		
		Theo đuổi thông qua một cơ chế tư pháp hoặc nằm ngoài vòng pháp luật.		
Các hoạt động cổ động		CFVG/NFU		
TƯ VẤN hoặc CÙNG HÀNH ĐỘNG mối quan hệ hướng tới các hoạt động của công ty		Trao đổi thông tin đặc biệt là đối thoại.	Lefaso, VWEC/VCCI	Lefaso, VWEC/VCCI
		Trao đổi thông tin hoặc đối thoại thường xuyên.		
HỢP TÁC KỸ THUẬT	<i>Hướng tới các hoạt động của công ty</i>	Đào tạo chuyên gia.	VINASTAS VietED, VITAS CECoD, Lefaso, CFVG/NEO, Solidaridad	VINASTAS VietED, CECoD Lefaso, CFVG/NFU

CHIẾN LƯỢC		HOẠT ĐỘNG	HIỆN TẠI	5 NĂM
HỢP TÁC KỸ THUẬT	<i>Hướng tới hoạt động của các NGO, mà cũng, nếu có, hướng tới công ty</i>	Trách nhiệm quản lý dự án về chủ đề hoặc vùng lãnh thổ mục tiêu.	VietED, SCDI, MSD	Viet ED, SCDI, RED,
		Dự án, dự án hợp tác sản xuất hoặc dự án về khả năng truy cập. Cán cân thanh toán.	SCDI, CCIHP, MSD, CFVG/NFU, VITAS, Chemonics	
		Dự án phát triển địa phương hoặc dự án “xã hội”.	VINASTAS, CCIHP, CECOD, Solidaridad,	VINASTAS, CCIHP, CECOD
HỢP TÁC CHIẾN LƯỢC/ CHÍNH SÁCH	<i>Giai đoạn đầu</i>	Elaboration of principles, frameworks and norms Xây dựng các nguyên tắc, khuôn khổ và định mức.	SCDI, Lefaso, VINASTAS, Solidaridad, RED, Chemonics,	SCDI, Lefaso, VINASTAS, MDS, VITAS, VwEC/VCCI

Sơ đồ này có thể mang tính chủ quan. Tuy nhiên, nó cũng cho thấy một kết quả phù hợp với khảo sát ban đầu. Hầu hết các tổ chức đều ưu tiên “hợp tác kỹ thuật” nhưng cũng không muốn tiến thêm đến bước cùng sản xuất hoặc có chung dự án. Các tổ chức đều quan tâm hướng tới “Hợp tác chiến lược/chính sách”. Nhiều tổ chức cũng đề cập đến vận động, nhưng tránh các chiến thuật như đối đầu hay tẩy chay.

3.3.2. Chiến lược

Một cuộc họp khác diễn ra vào tháng 7/2012 với hầu hết các tổ chức tham gia cuộc họp lần I. Tại đây các tổ chức đã cùng xác định và thống nhất các giá trị các tổ chức XHDS có thể mang lại trong CSR. Một phân tích SWOT được tiến hành cho mối quan hệ giữa các NGOs và khối doanh nghiệp, được tóm tắt như sau:

Điểm mạnh

- i. Các tổ chức xã hội dân sự có kết nối mạnh mẽ với cộng đồng và do đó có thể đóng vai trò như là một cầu nối giữa cộng đồng doanh nghiệp và các địa phương.
- ii. Các tổ chức xã hội dân sự đã phát triển một kiến thức kỹ thuật mạnh mẽ trong các lĩnh vực khác nhau (ví dụ như phát triển chuỗi giá trị, kinh doanh xanh, bảo vệ môi trường, vv). Chuyên môn của họ có thể đóng góp vào việc tăng cường hoạt động kinh doanh các doanh nghiệp.
- iii. Các tổ chức xã hội dân sự có kinh nghiệm đáng kể và một vị trí duy nhất trong vận động chính sách. Họ có tính hợp pháp, thông qua việc tham gia với các nguyên nhân xã hội/cộng đồng, tham gia với trách nhiệm xã hội.
- iv. Các tổ chức xã hội dân sự có kết nối quốc tế để tăng cường việc chia sẻ thông tin và nguồn lực trong việc thực hiện CSR.
- v. Các tổ chức xã hội dân sự rất đa dạng và do đó có thể đóng vai trò khác nhau trong mối quan hệ với các doanh nghiệp. Thí dụ, đối với các tổ chức xã hội dân sự như hiệp hội doanh nghiệp/hiệp hội nghề nghiệp có thể hoạt động như người trung gian và hỗ trợ, trong khi các tổ chức xã hội dân sự như các hiệp hội người tiêu dùng có thể có những cách tiếp cận đối đầu hơn.

Điểm yếu

- i. Khuôn khổ pháp lý áp dụng cho các Tổ CHỨC XHDS vẫn còn chưa chắc chắn. Khái niệm xã hội dân sự/các tổ chức XHDS không chính thức được công nhận, và điều này có thể ảnh hưởng đến các tổ chức xã hội dân sự/tính hợp pháp của các tổ chức phi chính phủ trong khi làm việc với các ngành khác.
- ii. CSR là một chủ đề mới với các tổ chức xã hội dân sự tại Việt Nam. Các tổ chức phi chính phủ Việt Nam không có kinh nghiệm làm việc chuyên sâu trong lĩnh vực này.
- iii. Các tổ chức phi chính phủ Việt Nam thiếu hiểu biết về lĩnh vực kinh doanh, đặc biệt là liên quan đến quản trị doanh nghiệp và hoạt động, nhu cầu và đặc điểm của các ngành cụ thể. Điểm yếu này là một thách thức trong việc xây dựng các hoạt động hợp tác với các công ty.
- iv. Thiếu hiểu biết về công tác phi chính phủ từ hoạt động kinh doanh hiện đang hạn chế năng lực xây dựng lòng tin và xúc tiến các nội dung hợp tác.

Cơ hội

- i. Tăng cường lợi nhuận của các doanh nghiệp trong việc thực hiện CSR thông qua hợp tác với các tổ chức phi chính phủ.
- ii. Tăng cường mối quan tâm về CSR giữa các doanh nghiệp, đặc biệt là do các mối đe dọa rủi ro về danh tiếng và tẩy chay do các tổ chức phi chính phủ đứng đầu.
- iii. Thành lập doanh nghiệp/sáng kiến để thực hiện chiến lược CSR bằng cách làm việc với các tổ chức phi chính phủ (ví dụ như Unilever, Ngân hàng Hồng Kông và Thượng Hải).
- iv. Khu vực kinh doanh quan tâm nhiều hơn tới các chương trình CSR kể từ khi họ chứng kiến áp lực từ người tiêu dùng.

Thách thức

- i. Các tổ chức phi chính phủ và khu vực kinh doanh thường không chia sẻ các giá trị chung cũng không cùng văn hóa. Đây là một thách thức đối với sự phát triển của mối quan hệ đối tác bền vững.
- ii. Thiếu sự rõ ràng liên quan đến vai trò của các tổ chức phi chính phủ: vai trò của tư vấn về CSR tiêu chuẩn và tư vấn/giám sát.
- iii. Mối quan hệ lỏng lẻo giữa các tổ chức phi chính phủ và các doanh nghiệp hạn chế việc xây dựng sự tin tưởng và hợp tác.
- iv. Nguy cơ về danh tiếng đối với các tổ chức phi chính phủ.

Kết quả cả hai phân tích cho thấy, các tổ chức XHDS cũng như các bên liên quan đều nhận thấy các tổ chức XHDS có thể có một vai trò mạnh trong lĩnh vực CSR. Tuy nhiên,

lĩnh vực này vẫn còn mới mẻ và các tổ chức XHDS có nhiều cơ hội cũng như nhiều việc phải làm trong tương lai để gắn kết với CSR.

K ết l u ận

THU HẸP KHOẢNG CÁCH GIỮA TỔ CHỨC XÃ HỘI DÂN SỰ VÀ CSR



Thu hẹp khoảng cách giữa tổ chức xã hội dân sự và CSR

Mục đích của nghiên cứu này là xác định mức độ mà các tổ chức XHDS tham gia vào công việc liên quan đến trách nhiệm xã hội doanh nghiệp và xác định các cơ chế để tăng cường sự tham gia. Nhìn chung, nghiên cứu đã xác định rằng có mức độ thấp nhưng đồng thời có sự quan tâm của các tổ chức XHDS đến CSR và có một số dấu hiệu cho thấy có một vài tổ chức bắt đầu quan tâm hơn. Thách thức hiện nay là xác định cách thức và phương tiện thu hẹp khoảng cách.

Từ các trao đổi và cuộc họp trong thời gian 2011-2012, một mạng lưới các tổ chức XHDS làm việc về CSR đã định hình. Mạng lưới đặt ra mục tiêu chung để thúc đẩy thực hiện tốt hơn trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp liên quan đến môi trường, người tiêu dùng, nhân viên, cộng đồng và các bên liên quan.

Các tổ chức XHDS ở Việt Nam sẽ cần phải tích cực tham gia với các doanh nghiệp và chính phủ trong việc thúc đẩy việc chấp thuận và tiếp thu CSR.

Đặc biệt, với nhà nước, các tổ chức XHDS có thể đóng góp vào đối thoại chính sách CSR có liên quan với chính phủ về ứng xử kinh doanh trên khung pháp luật hiện hành. Ngoài ra, các tổ chức này có thể hoạt động như một tác nhân giám sát độc lập. Nhiều ví dụ các tổ chức đóng vai trò kiểm toán viên xã hội, đối thoại với cổ đông, đặc biệt là cơ sở đối thoại giữa nhà nước và doanh nghiệp để xây dựng sự hiểu biết và tuân thủ tiêu chuẩn quốc tế về môi trường và xã hội.

Với doanh nghiệp, bước đầu các tổ chức XHDS Việt Nam có thể tiếp cận “win-win” để hợp tác với khu vực kinh doanh để nâng cao nhận thức về CSR và các thực hành tốt. Các tổ chức XHDS và doanh nghiệp có thể có những hành động chung để tạo ra tác động tích cực của các doanh nghiệp đối với môi trường, nhân viên và cộng đồng địa phương. Một số sáng kiến tốt đưa ra bởi Chemonics đã thu hẹp khoảng cách giữa các công ty và các tổ chức xã hội dân sự trong việc hình thành và thực hiện chương trình phòng, chống HIV/AIDS có thể là ví dụ để nhân rộng.

Để hoàn thành nhiệm vụ mới của các tổ chức XHDS trong mối quan hệ với chính phủ và doanh nghiệp về CSR, các tổ chức XHDS ở Việt Nam đã xác định cần phải (i) Xây dựng năng lực về kiến thức và thực hành trong CSR, nối mạng và chia sẻ và học hỏi về CSR bao gồm cả dự án hợp tác và huy động nguồn lực (iii) Tham gia với công việc thực tế trong các cuộc đối thoại chính sách với chính phủ và các cơ quan nhà nước và (iv) Tham gia với các phương tiện truyền thông và các phương tiện truyền thông xã hội để chia sẻ thực hành tốt, thực hành xấu của CSR trong và ngoài nước.

Kết luận lại, các tổ chức XHDS ở Việt Nam đang nổi lên năng động và nhạy bén hơn trong nhiều lĩnh vực khác nhau. CSR không còn là công việc của riêng doanh nghiệp, mà đã nhận được mối quan tâm cao hơn và nhận thức của các tổ chức XHDS bởi vì CSR liên quan đến lao động, các vấn đề xã hội, vấn đề môi trường và lợi ích cộng

đồng. Xã hội dân sự ở Việt Nam đang thay đổi nhanh chóng trong việc xây dựng quan hệ đối tác với các nước và doanh nghiệp và có thể trở thành cầu nối giữa nhà nước và doanh nghiệp. Khi Nhà nước mở cửa cho các tổ chức XHDS tham gia nhiều hơn, các tổ chức này có thể đồng thời tham gia vào các cuộc đối thoại và giám sát CSR. Mặt khác, tiếp cận cùng có lợi và quan hệ đối tác đưa đến thách thức về đạo đức và sự

lựa chọn của các tổ chức xã hội dân sự trong CSR. Các tổ chức này có thể giúp doanh nghiệp trong việc thực hiện chương trình CSR nhưng sẽ cần phải giữ vai trò độc lập của mình trong xã hội để tăng cường sự công bằng xã hội thông qua kinh doanh và công việc của chính phủ. Họ sẽ cần năng lực, niềm tin và mạng lưới mạnh mẽ để hoàn thành các nhiệm vụ này.

Phụ lục



Điều khoản tham chiếu của nhóm làm việc CSOs/CSR

Một nhóm làm việc của CSOs ở Việt Nam, quan tâm trong việc thúc đẩy CSR, đã được thành lập bởi Batik International và Trung tâm hội nhập phát triển vào đầu năm 2012. Nhóm này (và là) mở cửa cho tất cả NGOs/CSOs ở Việt Nam và các cá nhân chia sẻ các mục tiêu nhóm.

Trong suốt năm 2012, nhóm này đã họp và tóm tắt như sau.

Giá trị

- Phát triển mạng lưới dựa trên chí sẻ, hợp tác giữa các thành viên.
- Phục vụ như một cầu nối giữa các cộng đồng, các doanh nghiệp và chính phủ.
- Hành động với sự trung thực, trách nhiệm, minh bạch, công bằng, hiệu quả sử dụng và đổi mới.

Mục đích

Để thực hiện thực hành tốt hơn trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp liên quan đến môi trường, người tiêu dùng, nhân viên, cộng đồng và các bên liên quan khác.

Mục tiêu

1. Tăng cường năng lực của các tổ chức phi chính phủ tại Việt Nam để làm việc với các doanh nghiệp và chính phủ trong việc thúc đẩy việc thông qua CSR.
2. Để đóng góp vào đối thoại chính sách CSR có liên quan với chính phủ và các doanh nghiệp.

Tiếp cận/Chiến lược

Tiếp cận “win-win” hợp tác với khu vực kinh doanh để chia sẻ kiến thức và thực hành tốt và có những hành động chung để tạo ra tác động tích cực của các doanh nghiệp đối với môi trường, nhân viên và cộng đồng địa phương.

Hỗ trợ chính phủ trong việc phát triển các chính sách liên quan và đóng góp hiệu quả của việc thực hiện các chính sách như vậy thông qua đối thoại chính sách và chia sẻ thông tin với các nhà hoạch định chính sách và công chúng.

Cấu trúc

Thành lập một nhóm các tổ chức phi chính phủ (và CSO có liên quan) đã làm việc trên CSR, hoặc với một quan tâm trong khi làm điều đó, như là một tiểu nhóm thuộc Tập đoàn làm việc phát triển khả năng NGO RC. Để phục vụ cho hoạt động của nhóm này, một ban thư ký sẽ bao gồm đại diện của ba tổ chức phi chính phủ. Ban thư ký sẽ được bầu hai năm một lần bởi các thành viên trong nhóm, bao gồm xem xét vai trò của các tổ chức phi chính phủ Việt Nam.

Ban thư ký sẽ chịu trách nhiệm cho việc quản lý các nhóm làm việc, bao gồm (nhưng không giới hạn) các nhiệm vụ sau:

- Quản trị thành viên (cập nhật danh sách thành viên).
- Với sự hỗ trợ từ các thành viên nhóm, tổ chức các sự kiện thường xuyên.

- Thảo luận và chia sẻ thông tin thông qua các phương tiện truyền thông khác nhau. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển và thực hiện các kế hoạch hành động hàng năm của nhóm công tác.
- Viết một báo cáo tóm tắt hàng năm của hoạt động nhóm như một sự đóng góp cho báo cáo CDWG.
- **Nhóm Tư vấn & Tài nguyên** sẽ được thành lập để cung cấp tư vấn kỹ thuật và các nguồn lực bổ sung có thể cho mạng. Nhóm Tư vấn & Tài nguyên mở cửa cho các tổ chức và cá nhân có chuyên môn trong CSR và sẽ cung cấp thông tin, cơ sở hạ tầng và nguồn lực tài chính cho mạng để hỗ trợ trong việc thúc đẩy CSR làm việc bởi SCOs. Nhóm Tư vấn Tài nguyên và có thể bao gồm các tổ chức chính phủ, các tổ chức quốc tế, nghĩ rằng đại diện của các nhà tài trợ và các công ty có quan tâm đến việc thúc đẩy thực hành CSR. Nhóm Tư vấn và Tài nguyên sẽ tham gia đào tạo, các sự kiện, các cuộc họp mạng, và các cuộc thảo luận bàn tròn của mạng.
- Chia sẻ thông tin thông qua danh sách gửi thư (tại CSRnet@googlegroups.com) và đăng tải tại diễn đàn CSR (tại www.vietnamforumcsr.net).
- Chia sẻ kỹ thuật, tài chính và các nguồn lực thông qua các hoạt động chung.
- Tùy thuộc vào bản chất của các sự kiện và nguồn lực sẵn có, nhóm sự kiện có thể được mở và chào đón sự tham gia của các đối tác khác như các doanh nghiệp, các nhà tài trợ, các cơ quan chính phủ và các cá nhân quan tâm đến các vấn đề CSR.

Phát triển mạng

Mục tiêu: Để trở thành một mạng lưới có ảnh hưởng trong các vấn đề liên quan đến CSR thông qua các hành động cụ thể.

Chiến lược: Xây dựng năng lực của các thành viên mạng có hiệu quả trong việc thúc đẩy trách nhiệm xã hội.

Các bước tiếp theo:

- Phối hợp với các ngành nghề kinh doanh: bắt đầu tương tác nhiều hơn, liên quan đến nhiều thành viên CSOs với các hiệp hội doanh nghiệp và các hiệp hội chuyên nghiệp như LEFASO/VITAS.
- Xác định các đối tác nhiều hơn những người có thể quan tâm đến (các doanh nghiệp, tổ chức XHDS (ví dụ như các tổ chức phi chính phủ về khoa học công nghệ), các đối tác tiềm năng (ví dụ như tài trợ doanh nghiệp như của Unilever).
- Chia sẻ kinh nghiệm/thực hành tốt về CSR giữa tổ chức XHDS và khu vực kinh doanh.

Tham gia

Thành viên sẽ được mở cửa cho tất cả các tổ chức phi chính phủ làm việc tại Việt Nam và các cá nhân chia sẻ mục tiêu chung. Thành viên của nhóm được mời tham gia vào:

- Các sự kiện thường xuyên: họp hàng tháng để cập nhật các hoạt động nhóm và quản lý nhóm.
- Các sự kiện Ad-hoc (hội thảo tập huấn, hội thảo chuyên, triển lãm và các hoạt động khác) được tổ chức bởi các nhóm và các thành viên.

Khung pháp lý cho các tổ chức xã hội dân sự tại Việt Nam

Các văn bản sau đây giới thiệu tình trạng đăng ký phổ biến nhất cho CSO ở Việt Nam và những gì họ ngụ ý về đăng ký. Nó được dựa trên một nghiên cứu của Tiến sĩ Nguyễn Mạnh Cường, Viện Khoa học Xã hội, 200845.

(i) Tổ chức được thành lập theo Nghị định 81/2002/ND-CP

Tổ chức hoạt động theo nghị định phải được thành lập như “các tổ chức công nghệ và khoa học”. Họ phải đăng ký với Bộ Khoa học và Công nghệ, nếu phạm vi toàn quốc, hoặc Sở Khoa học và Công nghệ, nếu chúng hoạt động ở cấp tỉnh.

Nếu được yêu cầu xác nhận cơ quan thẩm quyền để đăng ký:

- Ủy ban nhân dân Tỉnh nếu tổ chức hoạt động trong một tỉnh.
- Bộ Chính phủ để cho các tổ chức đó hoạt động trong lĩnh vực mà Bộ có trách nhiệm cho
- Tổ chức xã hội/chính trị nhà nước, như VUSTA

Để đảm bảo đăng ký, cần chứng minh sự đóng góp dự kiến cho sự phát triển của Việt Nam. Cần thiết hơn để có nhân sự khoa học và công nghệ đủ chuyên môn trong tổ chức.

Các tổ chức không có thành viên (đồng phi). Họ có quyền tiếp cận các nguồn viện trợ quốc tế, sau khi được phê duyệt của các tổ chức bảo trợ. Bổ sung cho các hoạt động phi lợi nhuận, họ được hưởng điều kiện thuận lợi như cho vay ưu đãi và cho

thuê đất, miễn thuế giá trị gia tăng.

Tổ chức đăng ký dưới sự bảo trợ của Hiệp hội luật sư, VUSTA, các nhà toán học và Hiệp hội Bác sĩ và các Nhà toán học có quyền để nhận xét và đánh giá các chính sách nhà nước và các dự án phát triển theo quyết định 22TTG/2002.

(ii) Các hiệp hội được thành lập theo Nghị định 88/2002/ND-CP

Hiệp hội có thể chỉ các tên khác nhau, chẳng hạn như công đoàn, liên minh, liên đoàn, xã hội, câu lạc bộ hoặc tên gọi khác theo quy định của pháp luật. Trong tài liệu này, các thuật ngữ chung “hiệp hội” được sử dụng.

Các hiệp hội là thành viên (là công dân tự nguyện và các tổ chức Việt Nam) thành phải có một số lượng tối thiểu các thành viên tùy thuộc vào phạm vi: toàn quốc hoặc tỉnh (ít nhất là 100), trong một tỉnh duy nhất (ít nhất là 50), trong một huyện (20), trong một xã (10).

Tên và lĩnh vực hoạt động chính có thể khác nhau từ các hiệp hội hiện có. Danh sách các thành viên và các thành viên hội đồng quản trị vận động (trong quá trình đăng ký) phải được công nhận bởi một cơ quan Bộ, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong lĩnh vực mà tổ chức này mong muốn làm việc. Ứng viên cần chứng minh làm thế nào các hiệp hội có thể đóng góp vào các lĩnh vực công việc mà các Bộ, cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm. Các yêu cầu này đôi khi rất khó để các hiệp hội thực hiện theo do đó, nó là rất quan trọng để phát triển các

mối quan hệ mạnh mẽ với các Bộ quản lý hoặc cơ quan nhà nước.

Các cơ quan sau được ủy quyền cấp phép hoạt động theo Nghị định 88/2003/NĐ-CP:

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho các hiệp hội hoạt động trong phạm vi tỉnh cụ thể, hoặc trong huyện, xã.
- Bộ Nội vụ đối với các hiệp hội hoạt động cả nước hoặc ở nhiều tỉnh.

Sau khi nộp đơn đến cơ quan có thẩm quyền có liên quan, hội đồng quản trị của Hiệp hội tiềm năng có thể được yêu cầu bổ sung, sửa chữa các bộ phận theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Sau khi được cấp giấy phép, hiệp hội phải tổ chức một Đại hội thành lập. Trong số các nhiệm vụ là để bầu chọn người lãnh đạo và Ban kiểm soát được bầu và bãi bỏ Ban vận động.

(iii) Quỹ phi chính phủ được thành lập theo Nghị định 148/ND-CP/2007

Để thiết lập một quỹ phải có ít nhất hai thành viên sáng lập một hội đồng những người cam kết đóng góp tài sản. Quỹ có quyền nhận tài sản được tài trợ bởi các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

Quỹ phải không vì mục đích lợi nhuận và tập trung vào khuyến khích sự phát triển của văn hóa, khoa học, y tế, giáo dục, thể thao, phát triển cộng đồng. Bất kỳ lợi nhuận thu được trong quá trình hoạt động của quỹ phải được chỉ định cho các hoạt động được quy định tại Điều lệ.

Bộ Nội vụ (MOHA) quy định điều kiện cụ thể để thành lập quỹ. Trên thực tế, quy định này đưa ra cho Bộ Nội vụ quyền lực liên quan đến thành lập quỹ, và do đó, toàn bộ quá trình phụ thuộc vào khuynh hướng của Bộ Nội vụ.

Tổ chức sau đây được phỏng vấn để nghiên cứu:

16 CSOs Việt Nam:

- MSD, Trung tâm Nghiên cứu Quản lý và Phát triển bền vững
- SRD, Trung tâm Phát triển Nông thôn bền vững
- ID xanh
- CSIP, Trung tâm Xúc tiến Sáng kiến Xã hội
- Trung tâm Năng suất Việt Nam
- ISS, Viện Nghiên cứu xã hội
- RDSC, Trung tâm Dịch vụ Phát triển Nông thôn
- Spark
- CECOD, Trung tâm Môi trường và Phát triển Cộng đồng
- Sống & Học
- Trung tâm Thúc đẩy Chất lượng Cuộc sống
- LIN Trung tâm Phát triển Cộng đồng
- Câu lạc bộ Doanh nghiệp Xã hội phía Nam
- Trung tâm Tư vấn Nghiên cứu và Phát Triển
- Trung tâm Truyền thông Giáo dục Cộng đồng
- Trung tâm Sản xuất sạch hơn

8 Các tổ chức Quốc tế:

- GRET (Pháp)
- OXFAM (Quebec)
- APHEDA, Nhân dân Australia cho Y tế, Giáo dục và Phát triển ở nước ngoài
- CARE
- SNV Netherland
- ASSIST

- Minh bạch Quốc tế (Đại diện thông qua hướng đến Minh bạch)
- Chemonics (Công ty Mỹ với dự án phi lợi nhuận làm việc cho CSR với VNGOs)

Các tổ chức nguồn lực:

- Hội tổ chức hữu nghị Việt Nam - Trung tâm nguồn lực NGO
- Hội Liên hiệp Khoa học và Công nghệ Việt Nam
- Quý Châu Á
- Tổ chức Phát triển Công nghiệp Liên hiệp quốc (Chương trình CSR)
- Tổ chức Lao động Quốc tế (Chương trình Làm việc Tốt hơn)
- Chemonics International (Tư vấn nhà thầu phụ Công ty của USAID)
- GIZ
- Hướng tới sự Minh bạch
- VITAS
- LEFASO
- NILP (Viện An toàn và Bảo vệ Lao động quốc gia)

Biên bản cuộc họp CSO/CSR tại Trung tâm VUFO NGO

(Ngày: 23/3/2012)

CDWG đã tổ chức một cuộc tọa đàm về “Xây dựng liên minh” Tầm quan trọng của mạng lưới để phát triển năng lực’.

Cuộc họp đã xem xét các khía cạnh của mạng như:

- Tại sao mạng lưới lại quan trọng như vậy?
- Các thuộc tính của một mạng lưới thành công là gì?
- Làm thế nào để bắt đầu, xây dựng và duy trì một mạng lưới?
- Làm thế nào để mạng lưới đáp ứng và thích ứng khi thay đổi?

Tọa đàm:

- Tầm quan trọng của mạng lưới và làm thế nào họ có thể được tăng cường trong bối cảnh của Việt Nam?
- Những thách thức và cơ hội?

Tọa đàm: Thảo luận được chia ra thành các nhóm nhỏ về các chủ đề tập trung báo cáo lại với nhóm lớn hơn.

Chủ đề trọng tâm 1: Thuộc tính của một mạng lưới thành công

Những điểm chính:

- Các thành viên mạng lưới phải có mục đích chung.
- Có cơ quan và địa vị pháp lý để công nhận

- Cam kết của các thành viên
- Điều phối tốt
- Bền vững về mặt tài chính

Bình luận:

- Mạng càng lớn thì “mục đích chung” ít quan trọng hơn trở thành và thay thế bằng khái niệm “mục đích rõ ràng” cho phép cho một thành viên khác nhau.
- Bền vững về mặt tài chính đang thách thức - sự lựa chọn gồm cả phí thành viên, phí dịch vụ (ví dụ đào tạo, nguồn lực, vv), tặng quỹ trực tiếp.

Chủ đề trọng tâm 2: Thách thức và cơ hội cho mạng lưới

Thách thức:

- Tìm mục đích rõ ràng, phổ biến
- Duy trì cam kết của các thành viên
- Tính minh bạch và trách nhiệm cho các thành viên
- “Big Fish” hội chúng - các tổ chức lớn hơn thống trị và hưởng lợi nhiều nhất.

Cơ hội:

- Các nhà tài trợ muốn biết các tổ chức lớn hơn (khả năng hấp thụ lớn hơn, viên ra lớn hơn)
- “Giọng” - mạng lưới bổ sung sức mạnh cho các thành viên thông qua vận động tập thể và hành động.

- Xây dựng năng lực được tăng cường thông qua huy động các cơ hội huy động qua mạng đào tạo, chia sẻ học tập, v.v.

Bình luận:

- Trong bối cảnh Việt Nam, cần thiết để xem xét tư cách pháp nhân - mạng lưới tồn tại nhưng cần một khuôn khổ pháp lý để hỗ trợ chúng có hiệu quả.
- Giai đoạn phát triển quan trọng - không cần phải ngay lập tức chính thức hóa. Nếu các thành viên còn yếu kém, nhóm có thể không chính thức và diễn đàn và sau đó, bởi vì các thành viên tăng cường, mạng phát triển và có thể trở thành hợp pháp hay chính thức hóa hơn.
- Pháp lý là quá trình lâu dài và phức tạp (ví dụ như mất 3 năm đăng ký đã được ghi nhận).
- Phạm vi của các mạng lưới - ví dụ từ việc không chính thức và nỗ lực mạng lưới hợp pháp và chính thức hơn.
- Bền vững về mặt tài chính là một thách thức tại Việt Nam với lịch sử lâu dài của các hoạt động tài trợ của nhà tài trợ, cộng đồng có xu hướng thấy rằng không cần phải hành động và mạng lưới quý. Cần thay đổi này cho một chiến lược dài hạn của mạng.

- Chính phủ tham gia vào mạng - nếu các quan chức chính phủ có mặt, họ không phải là xã hội dân sự và được xem là “sân chơi sân sau” của chính phủ hơn là cộng đồng.

- Các tổ chức phi chính phủ trong nước được cấp khoản tài trợ và do đó không thành viên dựa vào đó.

Cần rõ ràng rằng đây không phải là đại diện của các cộng đồng.

Chủ đề trọng tâm 3: Cách làm mạng lưới hiệu quả hơn

Cấu trúc:

- Chủ tịch/hội đồng quản trị (phải là người Việt Nam)
- Nhóm cốt lõi (các thành viên cam kết)
- ToR và kế hoạch công việc hàng năm
- Cam kết tài chính của các thành viên

Bình luận:

- Mạng không cần phải được đăng ký ví dụ Nhóm Quản lý thiên tai đã hoạt động trong nhiều năm như là một sự hợp tác của các tổ chức đã đăng ký nhưng không được đăng ký một cách riêng biệt. Các thành viên chia sẻ các chức năng tài chính và hành chính.

Hướng dẫn phỏng vấn bán cấu trúc

1. Mô tả tổ chức

Tên tổ chức:	
Quốc tịch	
Lịch sử:	
I) Ngày thành lập	
<ul style="list-style-type: none"> • Người sáng lập (tổ chức, cá nhân, vv) 	
<ul style="list-style-type: none"> • Tình trạng pháp lý? Theo pháp luật? Tại sao là Tổ chức phi chính phủ? 	
Nguồn lực:	
<input type="checkbox"/> Ngân sách hàng năm?	
<input type="checkbox"/> Kinh phí? (từ đâu? Nước, Tư nhân, nhà tài trợ? Dự án?)	
<input type="checkbox"/> Nhân sự (Trong nước/ quốc tế, bao nhiêu, bối cảnh)	
Vai trò và Mục đích /Chiến lược:	
Tên 3 đến 4 lĩnh vực công việc chính:	
Khu vực hoạt động về địa lý?	

2. Liên quan đến lĩnh vực CSR?

Tổ chức của bạn tương tác với khu vực tư nhân? Loại các doanh nghiệp nào (kích thước, khu vực, etc).

Nếu có, làm thế nào tổ chức của bạn tương tác với khu vực kinh doanh?

	CÓ	KHÔNG
Cuộc đối đầu		
Đối thoại/trao đổi thông tin		
Hợp tác kỹ thuật		
Hợp tác chiến lược		
Tổ chức từ thiện		
Phương thức khác?		
Những vấn đề nào bạn đang giải quyết?		
Lao động trẻ em		
Áp bức lao động		
Phân biệt đối xử và cơ hội bình đẳng		
Điều kiện làm việc		
Thù lao		
An toàn lao động và sức khỏe		
Tự do hội họp		
Thương lượng tập thể		
Dự án dựa trên cộng đồng		
Môi trường		
Khác?		
Những tác động?		
Quan điểm về CSR?		

1. Tổ chức của bạn là thành viên của một mạng? Nếu có, cung cấp thông tin chi tiết.
2. Các yếu tố chính cho sự thành công của một mạng?
3. Tổ chức của bạn sẽ quan tâm để tham gia vào một mạng lưới CSO liên quan vào CSR không?
 - Nếu có, bạn có biết bạn mong đợi điều gì?
 - Ai có thể tham gia từ tổ chức của bạn?

Tài liệu tham khảo

1. A renewed EU strategy, 2011-2014, for Corporate Social Responsibility. COM(2011) 681 final. 25.10.2011
2. Civicus, 2006: The Emerging Civil Society: An initial assessment of Civil Society in Vietnam
3. Hannah (2007) Local Non-government Organization in Vietnam : Development, Civil Society and State-Society Relations.
4. Irish Aid. 2011. Working With and For Civil Society in Vietnam
5. Maurel, O. (2010). *La responsabilité des Entreprises en matière de droits de l'homme. Tome 1, Etat des lieux et perspectives d'actions publiques*. Framework of relations between NGOs and business. Results of university work undertaken by Olivier Maurel, Isabelle Devaux and Sylvaine Parriaux. 2010.
6. Nguyen Manh Cuong, Institute of Social Studies, 2008. A Theoretical Framework and Principles for the Establishment and Management of Civil Society Organizations in Vietnam; Hanoi (2008)
7. Norlund, Irene. 2007 Filling the Gap: The Emerging Civil Society in Vietnam. Publication of SNV, UNDP and VUSTA, 2007.
8. Philanthropy in Vietnam. Vietnam Asia Pacific Economic Center. The Asia Foundation. Hanoi 2011
9. Sidel, M (2010). Maintaining Firm Control: recent development in nonprofit law and regulation in Vietnam, the International Journal of Not-for-Profit law, Vol. 12, No. 3, May 2010
10. UN Conference on Trade and Development, World Investment Report 2011.
11. UNDP and Civil Society Organizations: A Practice Note on Engagement (2001)
12. UNDP and MPI (2010). Managing Risks and Attaining Equitable Growth Vietnam Development Report, Modern institutions (2010)
13. William Taylor, Nguyễn Thu Hằng, Phạm Quang Tú, Huỳnh Thị Ngọc Tuyết, 2012. Civil Society in Vietnam: A comparative study of civil society in Hanoi and Hochiminh City
14. World Bank Group. 2003. Strengthening Implementation of CSR in Global Supply Chains.



<http://www.batik-international.org/>



**TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN
VÀ HỘI NHẬP**

www.cd vietnam.org